

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HSST

Ngày: 22/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Mai Thị Ngọc Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thế Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Huỳnh Quốc M, tên gọi khác là D, sinh năm 1995, tại Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT: Thôn V, xã VL, Tp. NT, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông không xác định và bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1971. Bị cáo là con một trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 05/3/2021, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/5/2022, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vạn Ninh ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tuy Hòa từ ngày 26/02/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1. Ông Phan Quốc C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố U, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Vợ chồng bà Đinh Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Vợ chồng ông Lương Công Th, sinh năm 1976 và bà Trương Thị P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông Th vắng mặt, bà P có mặt.

4. Vợ chồng ông Lương Công H, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Th1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông H vắng mặt, bà Th1 có mặt.

5. Vợ chồng ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông T1 vắng mặt, bà H1 có mặt.

6. Bà Trần Thị L, sinh năm 1963, ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988 Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà L vắng mặt, ông H2 có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Trúc B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2019 đến ngày 12/6/2019, Huỳnh Quốc M, tự xưng là D, làm thuyền viên trên tàu đánh bắt cá ngư đại dương cho gia đình bà Nguyễn Thị Trúc B và gia đình bà Trần Thị L ở khu phố Y, phường P, Tp. T. Do đó, M biết rõ các chủ thuyền ở phường P, Tp. T cần người đi biển cùng (bạn thuyền) và trước khi đi biển sẽ cho các thuyền viên tạm ứng tiền công. Lợi dụng điều này, M nảy sinh ý định nói dối các chủ thuyền sẽ tham gia đi biển cùng họ trong chuyến biển tới để tạm ứng trước tiền công rồi chiếm đoạt tài sản. Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, từ ngày 16/6/2019 đến ngày 20/6/2019, M đã nhận tài sản của 05 chủ thuyền tại phường P, Tp. T và đều hứa với 05 chủ thuyền sẽ đi biển vào cùng ngày 21/6/2019, cụ thể nhận của bà Đinh Thị H 4.000.000 đồng; chị Trương Thị P (Chồng là Lương Công Th) 6.000.000 đồng; chị Lê Thị Th1 (Chồng là Lương Công H) 7.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H1 (Chồng là Huỳnh Văn T1) 6.500.000 đồng; bà Trần Thị L và con Nguyễn Văn H2 là 11.500.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 35.000.000 đồng, M sử dụng để ăn nhậu, hát karaoke và uống bia ôm hết. Đến ngày 21/6/2019, M không đi biển như đã hứa với các chủ thuyền nêu trên mà thuê anh Phan Quốc C là lái xe taxi chở M đi thị xã A, tỉnh Gia Lai chơi. Do có ý định chiếm đoạt tài sản của anh C từ trước, M đã tiếp cận, làm quen anh C và nói dối có nhà to nhất khu vực đường X, phường P để anh C tin, rồi M hỏi mượn tiền anh C hai lần, một lần 2.000.000 đồng và một lần 3.000.000 đồng, anh C tin tưởng nên đưa M tiền, M

sử dụng số tiền này ăn nhậu cùng bạn bè hết, sau đó không trả lại anh C. Đối với các chủ thuyền ở phường P, thành phố T, sau khi biết M ứng tiền công mà không đi biển, các chủ thuyền liên lạc với M nhưng không được nên đã tố giác hành vi của M đến Cơ quan Công an. Đến ngày 26/02/2022, M bị bắt theo Quyết định truy nã. (Tại các bút lục số: 99-100, 113, 118, 125, 132, 139, 147)

- *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại yêu cầu bị cáo Huỳnh Quốc M trả lại số tiền đã chiếm đoạt, gồm: bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn H2: 11.500.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Th1: 7.000.000 đồng, vợ chồng chị Đinh Thị H: 4.000.000 đồng, vợ chồng chị Trương Thị P: 6.000.000 đồng, vợ chồng chị Nguyễn Thị H1: 6.500.000 đồng, anh Phan Quốc C: 5.000.000 đồng (số tiền chiếm đoạt) và 2.000.000 đồng M nợ tiền taxi.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSTH ngày 22/05/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Huỳnh Quốc M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Huỳnh Quốc M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại Nguyễn Văn H2, Trương Thị P, Lê Thị Th1, Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Riêng bị hại Thẩm và Hái xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo M. Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 02 năm 2022. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Huỳnh Quốc M trả lại số tiền đã chiếm đoạt, gồm: bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn H2 số tiền 11.500.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Th1 số tiền 7.000.000 đồng, vợ chồng chị Đinh Thị H số tiền 4.000.000 đồng, vợ chồng chị Trương Thị P số tiền 6.000.000 đồng, vợ chồng chị Nguyễn Thị H1 số tiền 6.500.000 đồng, anh Phan Quốc C: 5.000.000 đồng (số tiền chiếm đoạt). Đối với việc bị hại C tố cáo bị cáo M chiếm đoạt 2.000.000 đồng tiền thuê taxi, xét đây là giao dịch dân sự, không có yếu tố chiếm đoạt tài sản nên yêu cầu bị cáo trả lại cho bị hại C. Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Huỳnh Quốc M nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bị hại đến tham gia phiên tòa nhưng bị hại Đinh Thị H, Phan Quốc C, Lương Công Th, Lương Công H, Huỳnh Văn T1, Trần Thị L vắng mặt, người làm chứng Nguyễn Thị Trúc B vắng mặt. Xét sự vắng mặt của các bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại, người làm chứng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Quốc M tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội, đưa ra các thủ đoạn, thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại và các chứng cứ khác tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Từ ngày 16/6/2019 đến ngày 20/6/2019, trên địa bàn phường P, thành phố T, Huỳnh Quốc M đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối xin làm thuyền viên cho các chủ tàu đi đánh bắt cá ngừ đại dương vào cùng ngày 21/6/2019 để các chủ tàu tin tưởng cho ứng trước tiền công, nhưng đến ngày hẹn bị cáo M không đi. Số tiền chiếm đoạt của các bị hại bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn H2 là 11.500.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Th1 số tiền 7.000.000 đồng, vợ chồng chị Đinh Thị H số tiền 4.000.000 đồng, vợ chồng chị Trương Thị P số tiền 6.000.000 đồng, vợ chồng chị Nguyễn Thị H1 số tiền 6.500.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của các chủ thuyền là 35.000.000 đồng, số tiền này bị cáo sử dụng để ăn nhậu, hát karaoke và uống bia ôm hết.

[3.2] Ngày 21/6/2022, bị cáo M không đi biển cho các chủ tàu như đã hẹn mà thuê bị hại C lái taxi chở bị cáo lên Gia Lai chơi sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại, dùng hành vi gian dối để lừa bị hại C đưa cho bị cáo tổng số tiền 5.000.000 đồng.

[3.3] Tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại là 40.000.000 đồng, bị cáo không trả lại cho các bị hại mà dùng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Do đó, cáo trạng số 46/CT-VKSTH ngày 22/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Huỳnh Quốc M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo

quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo M là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Trong vụ việc lừa đảo các chủ tàu, bị cáo M làm nghề đi biển nên biết rõ các chủ tàu cần bạn thuyền và cho ứng trước tiền công nên bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tài sản của họ, chủ động tiếp cận, dùng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối hứa đi biển cùng với nhiều chủ tàu vào cùng một thời gian để các bị hại tin tưởng, cho ứng trước tiền công rồi chiếm đoạt số tiền này, sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đối với bị hại Phan Quốc C thì bị cáo cũng đã có ý định chiếm đoạt tiền nên chủ động tiếp cận, đưa ra các thông tin gian dối để bị hại tin tưởng, đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng rồi chiếm đoạt số tiền này, sử dụng để ăn nhậu hết.

Khi bị phát hiện hành vi lừa đảo, bị cáo không ra đầu thú để hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cố tình trốn tránh, cơ quan cảnh sát điều tra phải ra quyết định truy nã, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Bản thân bị cáo M còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa khởi tố, điều tra. Xét cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 06 lần thực hiện hành vi phạm tội, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại Lê Thị Th1 và Nguyễn Thị H1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo Huỳnh Quốc M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo yên tâm cải tạo, rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Huỳnh Quốc M phải bồi thường cho các bị hại gồm: Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn H2 số tiền 11.500.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Th1 số tiền 7.000.000 đồng, vợ chồng chị Đinh Thị H số tiền 4.000.000 đồng, vợ chồng chị Trương Thị P số tiền 6.000.000 đồng, vợ chồng chị Nguyễn Thị H1: 6.500.000 đồng, anh Phan Quốc C: 5.000.000 đồng.

Về tiền taxi, bị cáo thừa nhận việc thuê bị hại C chở, số tiền taxi 2.000.000 đồng như bị hại trình bày là đúng nhưng bị cáo khai trước khi thuê taxi thì bị cáo còn khoảng 1.000.000 đồng, không có ý định chiếm đoạt số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả cho bị hại C số tiền 2.000.000 đồng thuê taxi, xét phù hợp với các Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo M không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Quốc M bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền 42.000.000 đồng bồi thường theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Quốc M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Huỳnh Quốc M 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 26/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Huỳnh Quốc M phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 42.000.000 đồng, bao gồm: Bà Trần Thị L, anh Nguyễn Văn H2 số tiền 11.500.000 đồng, vợ chồng chị Lê Thị Th1 số tiền 7.000.000 đồng, vợ chồng chị Đinh Thị H số tiền 4.000.000 đồng, vợ chồng chị Trương Thị P số tiền 6.000.000 đồng, vợ chồng chị Nguyễn Thị H1 số tiền 6.500.000 đồng, anh Phan Quốc C số tiền 7.000.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị cáo Huỳnh Quốc M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các bị hại (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, các bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- CQCSĐT Tp. Tuy Hòa;
- CQ THAHS Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.
- Lưu AV, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên